

Số: 03/TB-MNHT  
V/v: yêu cầu báo giá thực phẩm

An Hải, ngày 19 tháng 01 năm 2026

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

**Cung cấp các mặt hàng nguyên liệu đầu vào thực hiện bữa ăn  
cho học sinh bán trú tại Trường Mầm non Hồng Thái năm học 2025-2026**

**Kính gửi: Các Công ty, Các đơn vị quan tâm**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2024/QH15 ngày 23/6/2023; được sửa đổi  
bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 (điều 4); Luật số 90/2025/QH15 (điều 1);

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ  
quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn  
nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ tài chính  
hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu  
trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 58//2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân thành phố  
Hải Phòng ngày 11/12/2025 Quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế  
quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, giáo  
dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Để thực hiện nhiệm vụ cho năm học 2025-2026, Trường Mầm non Hồng  
Thái tổ chức hoạt động bán trú cho học sinh của trường năm học 2025-2026.  
Hiện nay, Trường Mầm non Hồng Thái đang tiến hành lựa chọn nhà thầu cho  
gói thầu: “Mua sắm thực phẩm đầu vào thực hiện việc cung cấp bữa ăn cho học  
sinh bán trú năm học 2025-2026”.

Trường Mầm non Hồng Thái trân trọng kính mời các Công ty, đơn vị kinh  
doanh thực phẩm có nhu cầu cung cấp lương thực, thực phẩm cho bếp ăn bán trú  
của nhà trường, gửi hồ sơ năng lực và báo giá các mặt hàng với các thông tin chi  
tiết như sau:

### I. Thông tin về đơn vị nhận báo giá

1. Đơn vị đề nghị báo giá: Trường Mầm non Hồng Thái.  
Địa chỉ: TDP Kiềm Đông, phường An Hải, TP. Hải Phòng  
Đại diện: Bà Nguyễn Thị Mai Thu - Chức vụ: Hiệu trưởng  
Điện thoại:

### 2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp (hoặc qua bưu điện) tại: Trường Mầm non Hồng Thái  
Địa chỉ: TDP Kiềm Đông, phường An Hải, TP. Hải Phòng.  
Hoặc gửi qua Email: [truongmamnonxahongthai@gmail.com](mailto:truongmamnonxahongthai@gmail.com)

Thời gian tiếp nhận báo giá: Trong 03 ngày làm việc, từ ngày 19/01/2026  
đến ngày 21/01/2026.



## I. Nội dung yêu cầu báo giá:

### 1. Yêu cầu chung:

- Yêu cầu báo giá các mặt hàng đáp ứng tối thiểu các tiêu chuẩn: Phụ lục đính kèm. (Báo giá đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển. Bên mua không phải trả thêm bất cứ khoản chi phí nào. Giá mà nhà cung ứng báo sẽ là giá cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng và không thay đổi (nếu đơn vị được lựa chọn). Do vậy nhà cung ứng phải có trách nhiệm tính toán các khoản chi phí hợp lý vào trong giá báo giá).

- **Hiệu lực của báo giá:** Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

*Lưu ý: Nhà trường có phòng bếp ăn; có sẵn một số trang thiết bị phục vụ công tác bán trú như: Bếp nấu, hệ thống bàn sơ chế, tủ, giá, kệ để thức ăn,..... Để nâng cao chất lượng bữa ăn hàng ngày cho học sinh và hỗ trợ giảm bớt chi phí suất ăn, các đơn vị cung cấp suất ăn thực hiện cân đối giá thành suất ăn (khi sử dụng bếp ăn và một số trang thiết bị sẵn có của nhà trường) và hỗ trợ một phần chi phí cho nhà trường để cải tạo, sửa chữa đảm bảo duy trì tài sản cố định tại đơn vị. Nếu đơn vị nào được lựa chọn thì hai bên sẽ thỏa thuận nội dung chi tiết trong hợp đồng.*

## II. Các yêu cầu cụ thể về chất lượng thực phẩm hàng hóa cần đảm bảo theo báo giá của nhà cung ứng:

### 1. Đối với thực phẩm:

- Nhà cung ứng ngoài việc báo giá cụ thể, cần nêu chi tiết từng loại thực phẩm mà nhà cung ứng có thể chào giá, có tỷ lệ dinh dưỡng tương đương hoặc tốt hơn. Vì vậy nhà cung ứng có thể chào giá các loại thực phẩm khác nhau nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu của nhà trường. Đối với các sản phẩm tốt hơn, nhà cung ứng phải có bảng so sánh và tài liệu chứng minh đính kèm báo giá. Thực phẩm mà nhà cung ứng cung cấp cho nhà trường phải tuân thủ quy định về giới hạn vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, kim loại nặng, tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người. Giá phải tương ứng với chất lượng thực phẩm và suất ăn theo yêu cầu dưới đây. Cụ thể:

#### 1.1. Yêu cầu cụ thể đối với thịt, cá, thực phẩm tươi sống:

Thịt tươi sống, không có thuốc tăng trọng; các thớ thịt đều, săn chắc, không nhũn nhão, đàn hồi tốt, ấn ngón tay vào thịt không để lại dấu ấn trên bề mặt thịt khi bỏ tay ra. Bề mặt khô, sạch, không dính long và tạp chất lạ; Nước luộc thịt thơm, trong, vàng mỡ to (khi luộc thịt). Tôm, các đảm bảo tươi sống, không rỉ dịch, chảy nhớt. Màu sắc: Màu đặc trưng của sản phẩm. Mùi: Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ. Đạt các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng. Đã qua kiểm dịch của cơ quan thú y, đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

#### 1.2. Yêu cầu đối với rau, củ, quả:

Đạt các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, đảm bảo chất lượng, độ tươi ngon. Đối với rau ăn lá phải tươi, ngon, không bị dập nát, không sâu, không có



lá úa, lá già, không có tạp chất, không biến đổi gen, Củ quả to, đều còn cứng tươi; không có chất kích thích..., chất bảo vệ thực vật, rau đảm bảo cung cấp theo mùa.

Rau, củ, quả được sản xuất, cung cấp từ đơn vị đạt tiêu chuẩn VIETGAP và đạt tiêu chuẩn OCOOP.

### 1.3. Các sản phẩm từ trứng:

Trứng còn tươi, khi để soi dưới ánh đèn có buồng khí nhỏ, long đỏ tròn, không di động, nằm cân bằng ở giữa, long trắng trong suốt, cam hoặc hồng nhạt. Khi lắc nhẹ mà không có tiếng động, Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

### 1.4. Các loại sản phẩm khác:

Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

Đáp ứng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tuân thủ quy định về giới hạn vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, kim loại nặng, tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.

### 2. Đối với hàng hóa khác:

+ Nhà cung ứng phải báo giá cụ thể, chi tiết từng loại hàng hóa, có nhãn mác hàng hóa (nếu có), xuất xứ của hàng hóa, nhà sản xuất cụ thể của hàng hóa, hạn sử dụng theo quy định của nhà sản xuất, hạn sử dụng còn lại phải  $\geq 2/3$  hạn sử dụng.

+ Bao bì sản phẩm hàng hóa phải thể hiện đầy đủ thông tin về: nhãn mác sản phẩm, ngày sản xuất, hạn sử dụng, thông tin của nhà sản xuất.

+ Trong trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu chất lượng do nguyên nhân của nhà sản xuất thì nhà cung ứng phải cung cấp thay thế hàng hóa mới đạt yêu cầu chất lượng và thu hồi sản phẩm lỗi, thời gian cung cấp thay thế hàng hóa mới không quá 01 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo.

Rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia chào giá từ phía các đơn vị cung cấp dịch vụ.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

ĐẠI DIỆN CỦA ĐƠN VỊ



TRƯỜNG  
MẦM NON  
HỒNG THÁI

Nguyễn Thị Mai Thu



**DANH MỤC VÀ SỐ LƯỢNG THỰC PHẨM DỰ KIẾN**

Tính từ 01/02/2026 - 30/09/2026

(Kèm theo thông báo số 03 ngày 19/01/2026 của trường mầm non Hồng Thái)

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Phân loại
1	Giò sống	kg	239	Thịt, hải sản
2	Sườn thăn	kg	435	Thịt, hải sản
3	Thịt nạc vai/nạc mông	kg	205	Thịt, hải sản
4	Thịt sản mông/vai không bì	kg	1.205,00	Thịt, hải sản
5	Tim lợn	kg	17	Thịt, hải sản
6	Xương đuôi	kg	413	Thịt, hải sản
7	Thịt bò ta nạc	kg	182	Thịt, hải sản
8	Chim câu làm sạch	kg	37,5	Thịt, hải sản
9	Thịt gà ta bỏ đầu chân cánh	kg	358	Thịt, hải sản
10	Thịt ngan bỏ đầu chân cánh	kg	205	Thịt, hải sản
11	Bê bê sống to	kg	21	Thịt, hải sản
12	Cá Diêu hồng	kg	255	Thịt, hải sản
13	Cá Hồi nguyên con (sapa)	kg	124,5	Thịt, hải sản
14	Cá Vược	kg	103,8	Thịt, hải sản
15	Cua Bê sống	kg	17	Thịt, hải sản
16	Cua đồng	kg	119	Thịt, hải sản
17	Mực mai	kg	72	Thịt, hải sản
18	Ốc bươu ta to	kg	153,5	Thịt, hải sản
19	Tôm nót (45-50)	kg	321	Thịt, hải sản
20	Trứng cút	quả	27.650	Trứng, đậu
21	Trứng gà ta	quả	5.020,00	Trứng, đậu
22	Bầu	kg	286	Rau, củ, quả
23	Bí đỏ	kg	249,5	Rau, củ, quả
24	Bí ngô bao tử	kg	141	Rau, củ, quả
25	Bí xanh/ bí đao	kg	305,5	Rau, củ, quả
26	Cà chua	kg	290	Rau, củ, quả
27	Cà rốt	kg	613	Rau, củ, quả
28	Củ cải trắng	kg	120	Rau, củ, quả
29	Củ canh	kg	135	Rau, củ, quả
30	Củ dền	kg	22,5	Rau, củ, quả
31	Đỗ cô ve/ Đỗ đũa	kg	111	Rau, củ, quả
32	Giá đỗ sạch	kg	12	Rau, củ, quả
33	Gừng củ	kg	2,5	Rau, củ, quả
34	Hành ta khô	kg	54	Rau, củ, quả
35	Hành, mùi, răm, thì là, tía tô, lá	kg	138,5	Rau, củ, quả
36	Khoai lang	kg	260	Rau, củ, quả
37	Khoai môn	kg	6	Rau, củ, quả
38	Khoai sọ ta	kg	80	Rau, củ, quả
39	Khoai tây	kg	296	Rau, củ, quả



Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Phân loại
40	Me quả, sấu chua	kg	2	Rau, củ, quả
41	Mướp ngọt	kg	260	Rau, củ, quả
42	Nấm hải sản	kg	12,5	Rau, củ, quả
43	Nấm Kim Châm	kg	18	Rau, củ, quả
44	Nấm đùi gà	kg	40	Rau, củ, quả
45	Ngô cả bắp (kg)	kg	322,5	Rau, củ, quả
46	Nước dừa	kg	24	Rau, củ, quả
47	Rau bắp cải	kg	180	Rau, củ, quả
48	Rau cải cúc	kg	15	Rau, củ, quả
49	Rau cải thảo	kg	208,5	Rau, củ, quả
50	Rau cải xanh	kg	434	Rau, củ, quả
51	Rau Cần	kg	15	Rau, củ, quả
52	Rau đay	kg	32	Rau, củ, quả
53	Rau mồng tơi	kg	168	Rau, củ, quả
54	Rau ngót	kg	68	Rau, củ, quả
55	Rau rút	kg	6	Rau, củ, quả
56	Sấu xanh	kg	4,5	Rau, củ, quả
57	Su hào	kg	80	Rau, củ, quả
58	Su su	kg	192	Rau, củ, quả
59	Súp lơ (Trắng+Xanh)	kg	135	Rau, củ, quả
60	Tỏi ta khô	kg	5	Rau, củ, quả
61	Cam ( Quýt) ngọt	kg	90	Rau, củ, quả
62	Chuối tây	Quả	740	Rau, củ, quả
63	Dưa hấu	kg	635	Rau, củ, quả
64	Dưa vàng	kg	131,5	Rau, củ, quả
65	Ôi	kg	115	Rau, củ, quả
66	Quả đu đủ	kg	126	Rau, củ, quả
67	Thanh long trắng	kg	170	Rau, củ, quả
68	Xoài chín	kg	15	Rau, củ, quả
69	Đậu non	kg	6	Trứng, đậu
70	Bánh đa tươi	kg	126,5	Đồ khô
71	Bánh phở	kg	81	Đồ khô
72	Bột canh Vifon	kg	136	Đồ khô
73	Bột chiên giòn	kg	19	Đồ khô
74	Bột chiên xù	kg	2,1	Đồ khô
75	Bột Năng	kg	56	Đồ khô
76	Bột bắp	kg	4,2	Đồ khô
77	Bột bánh bao	kg	129	Đồ khô
78	Bột sắn dây	kg	24	Đồ khô
79	Bột nếp	kg	18	Đồ khô
80	Bún khô gói	kg	115	Đồ khô
81	Cốt dừa	hộp	86	Đồ khô
82	Dầu đậu nành Simply	Lít	161	Đồ khô
83	Dầu hào 350g	Chai	34	Đồ khô
84	Đỗ đen ta	kg	36	Đồ khô



Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Phân loại
85	Đỗ đỏ ta	kg	34	Đồ khô
86	Đỗ tương	kg	15	Đồ khô
87	Đỗ xanh	kg	154	Đồ khô
88	Đường thốt nốt viên to	kg	4	Đồ khô
89	Đường trắng	kg	360	Đồ khô
90	Gạo BC	kg	3.000	Đồ khô
91	Gạo nếp	kg	540	Đồ khô
92	Gia vị kho tàu	gói	108	Đồ khô
93	Gia vị sốt vang	Gói	110	Đồ khô
94	Hạt sen tươi	kg	10	Đồ khô
95	Hạt sen khô	kg	10	Đồ khô
96	Hạt tiêu bắc	kg	0,18	Đồ khô
97	Lạc trắng	kg	6	Đồ khô
98	Mắm Cát Hải hạng 1	lít	35	Đồ khô
99	Miến dong đen	kg	92,5	Đồ khô
100	Mộc nhĩ	kg	1,8	Đồ khô
101	Muối sạch I ốt	kg	12	Đồ khô
102	Muối trắng to/nhỏ	kg	5	Đồ khô
103	Nấm hương khô	kg	5,4	Đồ khô
104	Nước tương 500ml	chai	20	Đồ khô
105	Phomai	kg	1,5	Đồ khô
106	Rong biển trộn cơm	kg	31	Đồ khô
107	Rong biển cuộn cơm 10 lá	Gói	27	Đồ khô
108	Vừng sát vỏ	kg	1,6	Đồ khô
109	Bánh bông lan	hộp	645	Bánh, sữa
110	Bánh su kem	cái	2.500	Bánh, sữa
111	Sữa đặc Vinamilk 380g	hộp	96	Bánh, sữa
112	Sữa tươi Vinamilk 1L	kg	84	Bánh, sữa

An Hải, ngày 19 tháng 01 năm 2026

**NGƯỜI LẬP**

*Nhung*

**Bùi Hồng Nhung**

PHÁP